

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thu, nộp và sử dụng nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng
bến cảng, cầu cảng được đầu tư bằng vốn nhà nước**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 3 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn về thu, nộp và sử dụng nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được đầu tư bằng vốn nhà nước:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thu, nộp và sử dụng nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được đầu tư bằng vốn Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước liên quan đến việc thu, nộp và sử dụng nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được đầu tư bằng vốn Nhà nước.

Điều 2. Thu, nộp tiền thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng

1. Giá cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

2. Bên thuê có trách nhiệm nộp tiền thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng vào tài khoản của Bên cho thuê được mở tại Kho bạc nhà nước. Phương thức thanh toán được thực hiện theo Hợp đồng cho thuê khai thác giữa các bên và phải đảm bảo các quy định sau:

a) Về nộp tiền thuê cố định:

Năm đầu tiên ký kết Hợp đồng thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng: chậm nhất 07 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng thuê, Bên thuê phải nộp 100% giá thu cố định của năm đầu tiên theo hợp đồng thuê. Từ năm thứ 02 trở đi, hàng năm Bên thuê có trách nhiệm nộp tiền thuê như sau:

- Đợt 1: nộp 50% giá thu cố định của năm đó theo hợp đồng thuê chậm nhất vào ngày 15 tháng 1 hàng năm;

- Đợt 2: nộp 50% giá thu cố định chậm nhất vào ngày 15 tháng 6 hàng năm.

b) Về nộp tiền thuê biến đổi (tính theo tỷ lệ phần trăm của doanh thu):

Chậm nhất đến ngày 31 tháng 6 năm sau, căn cứ doanh thu thực tế khai thác tài sản cho thuê trong năm đó theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước hoặc Kiểm toán độc lập, Bên cho thuê và Bên thuê xác định chính thức giá thu biến đổi của năm trước. Chậm nhất 07 ngày sau khi xác định giá thu biến đổi của năm trước, Bên thuê nộp toàn bộ tiền thuê biến đổi của năm trước vào tài khoản của Bên cho thuê được mở tại Kho bạc nhà nước.

3. Chậm nhất 07 ngày kể từ ngày nhận được tiền thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng; Bên cho thuê phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước, sau khi trích chi phí hoạt động của Bên cho thuê theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp chưa được ngân sách nhà nước đảm bảo chi hoạt động).

4. Nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng đầu tư bằng ngân sách trung ương do trung ương quản lý. Nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng đầu tư bằng ngân sách địa phương do địa phương quản lý.

Điều 3. Xử lý chậm nộp tiền thuê

1. Trường hợp Bên thuê nộp chậm tiền thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng trong vòng 06 tháng, Bên thuê phải nộp thêm một khoản lãi tính theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm gần nhất cho số tiền và thời gian chậm nộp.

2. Trường hợp Bên thuê nộp chậm quá thời hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm thì ngoài việc phải nộp tiền lãi nêu ở khoản 1 Điều này, Bên thuê phải nộp thêm số tiền lãi tính cho thời hạn nộp chậm từ 06 tháng đến dưới 01 năm với lãi suất bằng 150% lãi suất quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp nộp chậm quá thời hạn từ 01 năm trở lên thì bên cho thuê có quyền chấm dứt hợp đồng thuê. Bên thuê chịu trách nhiệm toàn bộ thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn này. Sau 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng thuê, bên cho thuê sẽ trừ số tiền thuê và khoản lãi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này từ khoản bảo đảm thực hiện hợp đồng thuê theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 4. Cho thuê lại kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng

1. Việc cho thuê lại kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

2. Bên thuê lập hồ sơ, phương án cho thuê lại một phần kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng, gửi Bên cho thuê để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Cơ quan có thẩm quyền là cơ quan phê duyệt phương án cho thuê khai thác và kết quả lựa chọn bên thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng.

3. Bên thuê lại phải đảm bảo đủ điều kiện thuê khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về quản lý Cảng biển và luồng hàng hải và phải cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Bên thuê trong hợp đồng thuê đã ký với Bên cho thuê.

Điều 5. Sử dụng nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng

Nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng được sử dụng như sau:

1. Trường hợp Bên cho thuê chưa được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí chi hoạt động hàng năm thì được trích một phần trong số tiền thu cho thuê kết

cầu hạ tầng bến cảng, cầu cảng để chi hoạt động của Bên cho thuê theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

a) Chi các khoản tiền lương, phụ cấp cho những người tham gia vào hoạt động quản lý khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng (trừ chi phí tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định);

b) Chi cho công tác quản lý: Chi điện, nước, thông tin liên lạc, vật tư, văn phòng phẩm, sửa chữa mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý;

c) Chi xây dựng phương án và tổ chức lựa chọn bên thuê; kiểm tra, giám sát thực hiện Hợp đồng thuê;

d) Chi tổng kết, sơ kết, tập huấn nghiệp vụ;

đ) Các khoản chi khác (nếu có).

2. Sau khi trích chi hoạt động của Bên cho thuê tại khoản 1 Điều này, toàn bộ nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng nộp ngân sách nhà nước được sử dụng cho các nội dung sau (nếu có):

a) Trả nợ vay và lãi vay đối với các bến cảng, cầu cảng được đầu tư bằng nguồn vốn vay;

b) Duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng (là tài sản cho thuê) thuộc trách nhiệm của bên cho thuê theo định mức duy tu, sửa chữa hiện hành.

Trường hợp duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng là tài sản cho thuê được tính vào chi phí khai thác của Bên thuê, Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể trách nhiệm của Bên thuê đối với nhiệm vụ duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng là tài sản của Bên cho thuê;

c) Nâng cấp, cải tạo, mở rộng kết cấu hạ tầng cảng biển; xây dựng mới bến cảng, cầu cảng theo kế hoạch, quy hoạch phát triển cảng biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với các nội dung chi có tính chất thường xuyên thực hiện theo định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước về chi thường xuyên; đối với các nội dung chi có tính chất đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước về chi đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 6. Lập, chấp hành dự toán và thanh, quyết toán

1. Lập dự toán:

a) Căn cứ Hợp đồng cho thuê (đối với các bến cảng, cầu cảng đã được cho thuê), phương án cho thuê (đối với các bến cảng, cầu cảng có kế hoạch cho thuê

trong năm kế hoạch), cơ quan được giao nhiệm vụ của Bên cho thuê lập dự toán thu tiền thuê khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng (bao gồm: tiền thuê cố định, tiền thuê biến đổi và các khoản thu khác liên quan đến cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng; chi tiết theo từng bến cảng, cầu cảng), số trích lại chi hoạt động của Bên cho thuê, số nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tình hình thực hiện của năm báo cáo; yêu cầu nhiệm vụ của năm kế hoạch, định mức kinh tế kỹ thuật và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; các đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán chi theo các nội dung quy định tại khoản 2, Điều 5 Thông tư này theo đúng quy định về lập dự toán ngân sách nhà nước đối với chi thường xuyên (đối với các nội dung chi mang tính chất thường xuyên), chi đầu tư xây dựng cơ bản (đối với các nội dung chi mang tính chất đầu tư, xây dựng mới);

b) Các Bộ chuyên ngành có trách nhiệm lập dự toán thu, chi cho thuê kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng do trung ương quản lý, tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ mình, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt theo quy định.

Các Sở chuyên ngành có trách nhiệm lập dự toán thu, chi cho thuê kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng do địa phương quản lý, gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp xem xét, tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đề trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

2. Giao dự toán, quản lý, cấp phát và thanh toán:

Việc giao dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Công tác quyết toán:

a) Các đơn vị được giao dự toán kinh phí NSNN cấp từ nguồn thu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng có trách nhiệm quyết toán theo quy định;

b) Việc xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành đối với từng nguồn kinh phí (chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi thường xuyên).

Điều 7. Công tác kiểm tra

Các Bộ chuyên ngành, các Sở chuyên ngành tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị về tình hình thực hiện thu, chi từ nguồn cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng, bến cảng.

Điều 8. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2014;
2. Đối với các Hợp đồng thuê quản lý khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được ký kết trước khi Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo Hợp đồng cho thuê đã ký kết.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Công

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- TAND Tối cao, VKSND Tối cao;
- Văn phòng BCĐTW phòng, chống tham nhũng;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở GTVT; Sở Kế hoạch & Đầu tư các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN, Cục thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Website Bộ TC;
- Lưu: VT, Bộ Tài chính, Bộ GTVT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: **885/SY-UBND**

Bình Định, ngày 03 tháng 6 năm 2014

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Giao thông vận tải;
- PVPCN, PVPTK, K17, K19;
- Lưu: VT (10b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình
Nguyễn Thái Bình